TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **49**/2017/HNGĐST
Ngày 11-12-2017
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Đạo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Từ Tứ Hải**

2. Bà **Phạm Thị Thu Trang**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 11 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2017/TLST–HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2017/QĐXXST–HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Dương Thị Thanh T1 (Mỹ L)** – sn 1976 (có mặt)

Địa chỉ: ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn T2** – sn 1976 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản đối chất ngày 29/11/2017, nguyên đơn chị Dương Thị Thanh T1 trình bày:*** Chị và anh T2 tự quen nhau đi đến tổ chức cưới vào năm 2011 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T2 không lo làm ăn, thường hay đi nhậu, về nhà thì đánh đập, chửi bới vợ con, đập phá đồ đạc trong nhà, từ đó mà vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn.

Vợ chồng đã ly thân từ tháng 4 năm 2017 cho đến nay.

- Về con chung: chị T1 xác nhận vợ chồng chung sống với nhau có một người con chung là Dương Văn C - sinh ngày 02/5/2013. Hiện nay cháu C đang sống chung với chị T1.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T1 yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: chị T1 yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T2.

- Về con chung: chị T1 yêu cầu tiếp tục được nuôi con là Dương Văn C và yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 600.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Theo bản tự khai, biên bản đối chất ngày 29/11/2017, bị đơn anh Nguyễn Văn T2 trình bày***: anh T2 xác nhận lời trình bày của chị T1 về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản và nợ chung là đúng, nhưng nguyên nhân mâu thuẫn là không đúng vì vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì lớn.

Anh T2 yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: anh T2 không đồng ý ly hôn với chị Dương Thị Thanh T1.

Trong trường hợp Tòa án xử ly hôn, anh T2 yêu cầu:

- Về con chung: anh T2 đồng ý để chị T1 tiếp tục nuôi con, anh T2 không cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị T1.

- Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng: yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Thanh T1 được quy định tại khoản 1, Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp. Anh Nguyễn Văn T2 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng tại phiên tòa hôm nay anh T2 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, ngoài ra chị T1 yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T2 nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật

Tố tụng Dân sự 2015 xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T2.

Xét yêu cầu xin ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng của chị Dương Thị Thanh T1, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Thị Thanh T1 và anh Nguyễn Văn T2. Chị T1 và anh T2 chung sống với nhau vào năm 2011, không đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân không hợp pháp.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

[2] Về quan hệ con chung: Chị T1 và anh T2 xác nhận vợ chồng có 01 người con chung tên Dương Văn C - sinh ngày 02/5/2013, hiện nay chị T1 đang nuôi dưỡng. Xét yêu cầu của chị T1 xin được nuôi con và anh T2 cũng đồng ý để chị T1 tiếp tục nuôi con. Xét thấy nên ghi nhận sự thỏa thuận của chị T1 và anh T2 là tiếp tục giao cháu Dương Văn C cho chị T1 nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị T1 yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 600.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, anh T2 không đồng ý cấp dưỡng. Xét thấy việc chị T1 yêu cầu anh T2 cấp dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: *"Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"*. Do đó việc chị T1 yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 600.000đ/tháng là có cơ sở chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị Dương Thị Thanh T1:

- Chị T1 và anh T2 chung sống với nhau mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất không công nhận chị T1 và anh T2 là vợ chồng.

- Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị T1 và anh T2 là tiếp tục giao cháu Dương Văn C - sinh ngày 02/5/2013 cho chị T1 tiếp tục nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc anh T2 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Dương Văn C - sinh ngày 02/5/2013 mỗi tháng 600.000đ/tháng cho đến khi cháu

Dương Văn C đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

- Về án phí: Chị Dương Thị Thanh T1 phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn T2 phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 9 và khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Dương Thị Thanh T1 và anh Nguyễn Văn T2 là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị T1 và anh T2 là tiếp tục giao cháu Dương Văn C - sinh năm 02/5/2013 cho chị Dương Thị Thanh T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Buộc anh Nguyễn Văn T2 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Dương Văn C mỗi tháng 600.000đ/tháng cho đến khi cháu Dương Văn C đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Anh T2 được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí:

Về án phí HNGĐST: chị Dương Thị Thanh T1 phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0007631 ngày 31/10/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Về án phí cấp dưỡng của người có nghĩa vụ cấp dưỡng: anh Nguyễn Văn T2 phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*.

Báo cho nguyên đơn chị T1 có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho bị đơn anh T2 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Đạo